BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2116 /KH-BGDĐT	*Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2026*

KẾ HOẠCH

Triển khai Chương trình quốc gia phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo đến năm 2030, định hướng đến năm 2035 (sau đây gọi là Chương trình), Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch triển khai như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa nhiệm vụ của Bộ GDĐT theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg ngày 11 tháng 8 năm 2026 (Quyết định số 1528); phân công đầu mối theo dõi từng chỉ số tại Phụ lục I; giao nhiệm vụ, sản phẩm, tiến độ cụ thể tại Phụ lục II và cơ chế phối hợp với các bộ, địa phương, cơ sở giáo dục đại học.

b) Làm căn cứ điều phối, theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả hằng năm; sơ kết năm 2028 và tổng kết năm 2030.

2. Yêu cầu

a) Tổ chức triển khai đầy đủ, đồng bộ, đúng tiến độ các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Chương trình.

b) Cụ thể hóa nhiệm vụ, trách nhiệm của các đơn vị thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo và cơ chế phối hợp với các bộ, địa phương, cơ sở giáo dục đại học, làm căn cứ điều phối, phân công trách nhiệm và đánh giá kết quả thực hiện, bảo đảm "6 rõ": rõ người (thủ trưởng đơn vị và công chức đầu mối được giao), rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ sản phẩm. Mỗi nhiệm vụ chỉ có một đơn vị chủ trì nội bộ; đơn vị theo dõi chỉ số chịu trách nhiệm tổng hợp, đối soát số liệu, không thay thế trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị.

c) Làm căn cứ xây dựng, rà soát, cập nhật chiến lược và kế hoạch của các cơ sở giáo dục đại học, gắn với định hướng phát triển của các địa phương và các vùng về phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo; huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả nguồn lực; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện theo mục tiêu, tiến độ và định hướng của Chương trình; gắn nhiệm vụ với kế hoạch công tác và dự toán hằng năm; không tính trùng người, chương trình, cơ sở đào tạo hoặc kết quả từ nguồn lực khác.

d) Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; lồng ghép, phối hợp triển khai với Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2026-2035 và các chương trình, đề án, dự án có liên quan.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

Các chỉ số thực hiện Chương trình và đầu mối theo dõi được phân công tại Phụ lục I; các hoạt động, nhiệm vụ cụ thể, đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp, thẩm quyền, trách nhiệm, thời gian thực hiện và sản phẩm được phân công tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp, nguồn thu hợp pháp của cơ sở đào tạo, nguồn lực doanh nghiệp, tài trợ, viện trợ và nguồn hợp pháp khác theo mục IV Quyết định số 1528/QĐ-TTg. Vụ Kế hoạch - Tài chính tổng hợp nhu cầu theo nhiệm vụ, phối hợp cơ quan có thẩm quyền bố trí theo quy định; tránh trùng lặp nguồn lực.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Vụ Giáo dục Đại học làm đầu mối điều phối Chương trình; hướng dẫn biểu mẫu, tổng hợp kết quả, đôn đốc nhiệm vụ; trình lãnh đạo Bộ báo cáo Thủ tướng Chính phủ, tổ chức sơ kết năm 2028 và tổng kết năm 2030.

2. Các đơn vị được giao chủ trì tại Phụ lục I, II xây dựng kế hoạch chi tiết và phân công công chức phụ trách trong 10 ngày làm việc từ ngày ban hành Kế hoạch; chủ động phối hợp, xác minh số liệu và chịu trách nhiệm về sản phẩm, tiến độ. Trường hợp nội dung vượt thẩm quyền của Bộ GDĐT, chuẩn bị hồ sơ đề xuất cơ quan có thẩm quyền.

3. Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì tổng hợp nguồn lực; Cục Khoa học, Công nghệ và Thông tin chủ trì về dữ liệu, nền tảng thuộc phạm vi Bộ; Văn phòng Bộ phối hợp truyền thông, lịch công tác; Vụ Pháp chế rà soát các văn bản phải ban hành theo thẩm quyền.

4. Đơn vị đầu mối gửi số liệu sáu tháng đầu năm trước ngày 15/6, số liệu cả năm trước ngày 15/11 về Vụ Giáo dục Đại học. Bộ, ngành, địa phương gửi Báo cáo về Bộ GDĐT trước ngày 30/11 theo Quyết định số 1528/QĐ-TTg; Vụ Giáo dục Đại học tổng hợp trình lãnh đạo Bộ báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Số liệu phải có kỳ tính, nguồn, minh chứng và phương pháp loại trừ trùng lặp.

Trong quá trình triển khai, vướng mắc được gửi Vụ Giáo dục Đại học tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (để phối hợp);
- Bộ Khoa học và Công nghệ (để phối hợp);
- Bộ Công an (để phối hợp);
- Bộ Nội vụ (để phối hợp);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Các Sở GDĐT;
- Các cơ sở GDĐH, GDNN;
- Lưu: VT, GDĐH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Lê Quân

Phụ lục I

BẢNG PHÂN CÔNG THEO DÕI CÁC CHỈ SỐ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-BGDĐT ngày tháng năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Mã chỉ số	Chỉ số	Đơn vị	2026 / 2027 / 2028 / 2029 / 2030	Đầu mối theo dõi, tổng hợp	Phối hợp, cung cấp dữ liệu	Căn cứ
1	I.1	Học sinh phổ thông được học AI	%	10 / 30 / 50 / 65 / 80	Vụ GDPT	Các Sở GDĐT	PL I.1
2	I.2	Người học giáo dục đại học được trang bị kiến thức, kỹ năng AI	%	30 / 55 / 75 / 90 / 100	Vụ GDĐH	Các cơ sở GDĐH	PL I.2
3	I.3	Người học GDNN được học AI	%	15 / 35 / 50 / 65 / 80	Cục GDNNTX	Các cơ sở GDNN	PL I.3
4	I.4	Nhân lực AI ứng dụng đào tạo mới, chuyển đổi, nâng cao (lũy kế)	người	5000 / 15000 / 28000 / 40000 / 50000	Vụ GDĐH	Cục GDNNTX, các cơ sở GDĐ, cơ sở GDNN, Bộ KHCN	PL I.4
5	I.5	Nhân lực AI trình độ cao, chuyên sâu (lũy kế)	người	500 / 2500 / 5000 / 7500 / 10000	Vụ GDĐH	Cục GDNNTX, các cơ sở GDĐH, GDNN, Bộ KHCN	PL I.5
6	I.6	Giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng về AI	người	10000 / 30000 / 55000 / 80000 / 100000	Cục NGCBQLGD	Vụ GDĐH, GDPT, Cục GDNNTX	PL I.6
7	I.7	Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đơn vị sự nghiệp công lập được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng về AI	%	15 / 35 / 55 / 75 / 90	Vụ GDĐH (chỉ tiêu này do Bộ Nội vụ chủ trì)	Vụ TCCB, Cục NGCBQLGD	PL I.7

8	I.8	Người lao động được bồi dưỡng kỹ năng AI	triệu người	0.5 / 2 / 4 / 7 / 10	Vụ GDĐH (chỉ tiêu này do Bộ Nội vụ chủ trì)	Vụ TCCB, Cục NGCBQLGD	PL I.8
9	I.II.1	Nghiên cứu sinh AI đào tạo ở nước ngoài	người	50 / 120 / 220 / 330 / 500	Cục HTQT	Vụ GDĐH, các cơ sở GDĐH	PL I-II.1
10	I.II.2	Thạc sĩ AI đào tạo ở nước ngoài	người	50 / 150 / 300 / 450 / 600	Cục HTQT	Vụ GDĐH, các cơ sở GDĐH	PL I-II.2
11	I.II.3	Giảng viên, nhà khoa học được đào tạo, thực tập nước ngoài	người	100 / 300 / 600 / 900 / 1200	Cục HTQT	Vụ GDĐH, các cơ sở GDĐH, Cục NGCBQLGD	PL I- II.3
12	I.II.4	Chuyên gia được cử đào tạo ngắn hạn ở nước ngoài	người	200 / 500 / 900 / 1300 / 1800	Cục HTQT	Vụ GDĐH, các cơ sở GDĐH, GDNN	PL I- II.4
13	PL II.1	Trung tâm đào tạo, nghiên cứu chuyên sâu AI	trung tâm	2 / 4 / 6 / 8 / 10	Vụ GDĐH	Cục KHCNTT, Bộ KHCN, các cơ sở GDĐH	PL II.1
14	PL II.2	Trung tâm đào tạo, nghiên cứu chuyên sâu AI đạt trình độ khu vực, quốc tế	trung tâm	1 / 2 / 3 / 5 / 5–7	Vụ GDĐH	Cục KHCNTT, Bộ KHCN, các cơ sở GDĐH	PL II.2
15	PL II.3	Cơ sở GDĐH trọng điểm AI	cơ sở	5 / 10 / 15 / 20 / 25	Vụ GDĐH	Cục KHCNTT, Bộ KHCN, các cơ sở GDĐH	PL II.3
16	PL II.4	Cơ sở GDNN đào tạo AI	cơ sở	8 / 15 / 22 / 28 / 35	Cục GDNNTX	Cục KHCNTT, Bộ KHCN, các cơ sở GDNN	PL II.4
17	PL II.5	Phòng thí nghiệm AI hiện đại	phòng	5 / 10 / 18 / 25 / 35	Cục KHCNTT (chỉ số này do Bộ GDĐT và	Vụ GDĐH, GDNNTX, Bộ KHCN, các cơ sở GDĐH, GDNN	PL II.5

					Bộ KHCN chủ trì)		
18	PL II.6	Nhóm nghiên cứu mạnh AI	nhóm	10 / 20 / 35 / 45 / 60	Cục KHCNTT (chỉ số này do Bộ KHCN chủ trì)	Vụ GDĐH	PL II.6
19	PL III.1	Doanh nghiệp thuộc các ngành, lĩnh vực ưu tiên tham gia đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng kỹ năng AI cho người lao động	%	5 / 10 / 18 / 25 / 30	Vụ GDĐH, Cục GDNNTX	Bộ Nội vụ, các cơ sở GDĐH, GDNN, các doanh nghiệp	PL III.1
20	PL III.2	Thỏa thuận hợp tác giữa cơ sở giáo dục với doanh nghiệp trong đào tạo, nghiên cứu và phát triển nhân lực AI	thỏa thuận	50 / 120 / 200 / 280 / 350	Vụ GDĐH, Cục GDNNTX	Các cơ sở GDĐH, GDNN, doanh nghiệp	PL III.2
21	PL III.3	Chuyên gia doanh nghiệp, chuyên gia quốc tế tham gia giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu và phát triển chương trình đào tạo AI	người	200 / 500 / 800 / 1100 / 1500	Vụ GDĐH, Cục GDNNTX	Các cơ sở GDĐH, GDNN, doanh nghiệp	PL III.3
22	PL III.4	Chương trình đào tạo tích hợp AI theo ngành, lĩnh vực (AI+X) được xây dựng hoặc cập nhật	chương trình	30 / 70 / 110 / 140 / 150	Vụ GDĐH, Cục GDNNTX	Các cơ sở GDĐH, GDNN, doanh nghiệp	PL III.4
23	PL III.5	Chương trình đào tạo ứng dụng AI trong các lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên	chương trình	20 / 60 / 100 / 130 / 150	Vụ GDĐH, Cục GDNNTX	Các cơ sở GDĐH, GDNN, doanh nghiệp	PL III.5

		(X+AI) được xây dựng hoặc cập nhật					
24	PL III.6	Chương trình hợp tác quốc tế về đào tạo, nghiên cứu và trao đổi nhân lực AI	chương trình	15 / 30 / 50 / 70 / 100	Cục HTQT	Vụ GDĐH, Cục GDNNTX, doanh nghiệp	PL III.6

Ghi chú:

- "Đầu mối theo dõi" là phân công nội bộ Bộ GDĐT; đối với chỉ số do Bộ Nội vụ hoặc Bộ KHCN chủ trì, đơn vị của Bộ chỉ phối hợp và cung cấp số liệu. Chỉ tiêu 1.500 chuyên gia là bộ phận của 10.000 nhân lực trình độ cao; số đào tạo ở nước ngoài có thể tính trong tổng tương ứng nếu đáp ứng tiêu chí và không tính trùng.
- AI (Trí tuệ nhân tạo); GDNNTX (Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên); HTQT (Hợp tác quốc tế); KHCNTT (Khoa học, Công nghệ và Thông tin); NGCBQLGD (Cán bộ Nhà giáo và Quản lý giáo dục); QLCL (Quản lý chất lượng); GDMN (Giáo dục mầm non); GDPT (Giáo dục phổ thông); KHTC (Kế hoạch - Tài chính).

Phụ lục II

HOẠT ĐỘNG VÀ NHIỆM VỤ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-BGDĐT ngày tháng năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

TT	Tên nhiệm vụ/hoạt động	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thẩm quyền quyết định	Thời gian thực hiện/hoàn thành	Sản phẩm dự kiến
1	Ban hành kế hoạch triển khai Chương trình	Vụ GDĐH	Văn phòng Bộ, Cục GDNNTX, KHCNTT, Vụ KHTC, các đơn vị liên quan	Bộ trưởng	Tháng 10/2026	Kế hoạch triển khai Chương trình
2	Xây dựng chuẩn chương trình đào tạo trí tuệ nhân tạo cho giáo dục đại học	Vụ GDĐH	Các vụ, cục: QLCL, KHCNTT, NGCBQLGD, Pháp chế, Văn phòng Bộ, các cơ sở GDĐH, doanh nghiệp	Bộ trưởng	Tháng 3/2027	Chuẩn chương trình đào tạo về trí tuệ nhân tạo các trình độ của giáo dục đại học
3	Xây dựng chuẩn chương trình đào tạo trí tuệ nhân tạo cho GDNN	Cục GDNNTX	Các vụ, cục: QLCL, KHCNTT, NGCBQLGD, GDĐH, Pháp chế, Văn phòng Bộ, các cơ sở GDNN, doanh nghiệp	Bộ trưởng	Tháng 3/2027	Chuẩn chương trình đào tạo về trí tuệ nhân tạo các trình độ của giáo dục nghề nghiệp
4	Xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực trí tuệ nhân tạo	Cục KHCNTT	Các vụ, cục: GDNNTX, KHCNTT, NGCBQLGD, QLCL, GDMN, GDPT, KHTC, Pháp chế, Văn phòng Bộ, các đơn vị liên quan	Bộ trưởng	Tháng 12/2026 dữ liệu nền và thiết kế; 2027 vận hành bước đầu; 2028–2030 hoàn thiện	Cơ sở dữ liệu; từ điển dữ liệu; quy trình cập nhật, đối soát, bảo mật và báo cáo
5	Xây dựng Khung năng lực trí tuệ nhân tạo quốc gia bảo đảm bao quát, liên thông và có tiêu chí áp dụng cho	Vụ GDĐH	Các vụ, cục: GDNNTX, KHCNTT, NGCBQLGD,	Bộ trưởng	Tháng 6/2027	Khung năng lực trí tuệ nhân tạo quốc gia

	từng nhóm đối tượng, bao gồm người học và người dạy		QLCL, GDMN, GDPT, các đơn vị liên quan			
6	Xây dựng và triển khai các chương trình phổ cập kiến thức, kỹ năng trí tuệ nhân tạo cơ bản cho người học, người lao động và đội ngũ cán bộ quản lý và cộng đồng theo hình thức linh hoạt, phù hợp với từng nhóm đối tượng	Cục KHCNTT	Các vụ, cục: GDNNTX, KHCNTT, NGCBQLGD, QLCL, GDMN, GDPT, các đơn vị liên quan			
7	Xây dựng, rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến mở nhằm phổ cập trí tuệ nhân tạo cho toàn dân	Vụ GDĐH	Các vụ, cục: GDNNTX, KHCNTT, NGCBQLGD, QLCL, GDMN, GDPT, các đơn vị liên quan	Bộ trưởng	Tháng 3/2027; cập nhật hằng năm	Các khóa học đại trà trực tuyến mở nhằm phổ cập trí tuệ nhân tạo toàn dân được xây dựng; rà soát, cập nhật hàng năm
8	Xây dựng tiêu chí lựa chọn các cơ sở giáo dục đại học là đầu mối đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo về AI, xây dựng các mô hình hợp tác với doanh nghiệp, chương trình tích hợp trí tuệ nhân tạo theo ngành, lĩnh vực (AI+X) và chương trình ứng dụng trí tuệ nhân tạo (X+AI) gắn với các lĩnh vực, ngành nghề ưu tiên	Vụ GDĐH	Các vụ, cục: KHCNTT, cơ sở GDĐH	Bộ trưởng	Tháng 12/2026	Bộ tiêu chí; danh sách lựa chọn
9	Xây dựng, phát triển hệ thống học liệu mở, tài nguyên giáo dục dùng chung về AI trên các nền tảng học tập số, bao gồm nền tảng Bình dân học vụ số do Bộ Công an chủ trì	Vụ GDĐH	Các vụ, cục: KHCNTT, cơ sở GDĐH	Bộ trưởng	Tháng 3/2027	Hệ thống học liệu mở, tài nguyên giáo dục dùng chung về trí tuệ nhân tạo được đưa lên các nền tảng học tập số, bao gồm nền tảng

						Bình dân học vụ số do Bộ Công an chủ trì
10	Triển khai Đề án phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục	Vụ GDPT	Các vụ, cục: QLCL, KHCNTT, NGCBQLGD, GDNNTX, GDĐH, , các sở giáo dục	Bộ trưởng	Theo giai đoạn của Đề án được phê duyệt	Kế hoạch năm; nhiệm vụ triển khai và báo cáo đánh giá
11	Triển khai Đề án phát triển một số cơ sở đào tạo trở thành các trung tâm đào tạo, nghiên cứu tiên tiến chuyên sâu về trí tuệ nhân tạo	Vụ GDĐH	Các cục: KHCNTT, QLCL, các cơ sở GDĐH	Bộ trưởng	Theo giai đoạn của Đề án được phê duyệt	Kế hoạch năm; nhiệm vụ triển khai và báo cáo đánh giá
12	Rà soát, tích hợp trí tuệ nhân tạo vào chương trình giáo dục phổ thông, dự bị đại học	Vụ GDPT	Các vụ, cục: QLCL, KHCNTT, NGCBQLGD, GDNNTX, GDĐH, các sở GDĐT	Bộ trưởng	Tháng 12/2026 rà soát, hoàn thành mốc 2026; 2027–2030 thực hiện theo chỉ tiêu hằng năm	Hướng dẫn/chương trình cập nhật
13	Hướng dẫn cơ sở GDĐH trang bị năng lực trí tuệ nhân tạo cho người học và ban hành quy định sử dụng trí tuệ nhân tạo trong đào tạo, nghiên cứu, đánh giá	Vụ GDĐH	Các cục: KHCNTT, QLCL, NGCBQLGD, các cơ sở GDĐH	Bộ trưởng	Tháng 12/2026 rà soát, hoàn thành mốc 2026; 2027–2030 thực hiện theo chỉ tiêu hằng năm	Hướng dẫn; báo cáo chỉ số I.2
14	Triển khai năng lực trí tuệ nhân tạo trong GDNN, tích hợp chuẩn đầu ra chương trình cấp văn bằng	Cục GDNNTX	Các vụ, cục: GDĐH, KHCNTT, QLCL các cơ sở GDNN	Bộ trưởng	Tháng 12/2026 rà soát, hoàn thành mốc 2026; 2027–2030 thực hiện theo chỉ tiêu hằng năm	Báo cáo chỉ số I.3

15	Xây dựng và triển khai các chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng và năng lực sử dụng, ứng dụng trí tuệ nhân tạo cho đội ngũ giảng viên, giáo viên ở các cấp học và trình độ đào tạo, bảo đảm phù hợp với Khung năng lực trí tuệ nhân tạo quốc gia	Cục NGCBQLGD	Các vụ, cục: GDĐH, KHCNTT, GDPT, GDNNTX, các cơ sở GDĐH, GDNN, các Sở GDĐT	Bộ trưởng	Qúy IV/2026 rà soát, hoàn thành mốc 2026; 2027–2030 thực hiện theo chỉ tiêu hằng năm	Báo cáo chỉ số I.6
16	50.000 nhân lực ứng dụng và 10.000 nhân lực trí tuệ nhân tạo trình độ cao, trong đó 1.500 chuyên gia lõi	Vụ GDĐH	Các cục: GDNNTX, KHCNTT, các cơ sở GDĐH, các doanh nghiệp	Bộ trưởng	Qúy IV/2026 rà soát, hoàn thành mốc 2026; 2027–2030 thực hiện theo chỉ tiêu hằng năm	Báo cáo chỉ số I.4 I.5; danh sách 1.500 chuyên gia được đối soát
17	Thúc đẩy chương trình AI+X, X+AI và chuyên gia doanh nghiệp tham gia giảng dạy	Vụ GDĐH, Cục GDNNTX	Các cục: GDNNTX, HTQT, KHCNTT, QLCL, doanh nghiệp, cơ sở đào tạo	Cơ sở GDĐH, GDNN	Qúy IV/2026 rà soát, hoàn thành mốc 2026; 2027–2030 thực hiện theo chỉ tiêu hằng năm	Báo cáo chỉ số III.5, III.6 và III.3
18	Phát triển thỏa thuận hợp tác cơ sở giáo dục – doanh nghiệp và chương trình hợp tác quốc tế	Vụ GDĐH, Cục GDNNTX	Cục HTQT, GDNNTX, hiệp hội, doanh nghiệp	Cơ sở GDĐH, GDNN	Qúy IV/2026 rà soát, hoàn thành mốc 2026; 2027–2030 thực hiện theo chỉ tiêu hằng năm	Báo cáo chỉ số III.2 và III.6
19	Tổng hợp nhu cầu, dự toán và huy động nguồn lực; phối hợp đề xuất ưu đãi cho doanh nghiệp đầu tư phòng thí nghiệm	Vụ KHTC	Các vụ, cục: GDĐH, KHCNTT, GDNNTX	Bộ trưởng	Qúy IV/2026 dự toán 2027; hằng năm	Bảng nhu cầu kinh phí theo nhiệm vụ, nguồn; văn bản phối hợp Bộ Tài chính

20	Phối hợp Bộ Nội vụ về dự báo kỹ năng, bồi dưỡng người lao động và công chức ngoài ngành giáo dục	Vụ GDDH, Cục GDNNTX	Cục KHCNTT	Bộ Nội vụ	Hằng năm	Báo cáo phối hợp; dữ liệu nhu cầu và đề xuất đào tạo lại
21	Phối hợp Bộ Công an về dữ liệu quốc gia và Bộ KH&CN về hạ tầng tính toán, nhóm nghiên cứu mạnh	Cục KHCNTT	Vụ GDĐH	Bộ Công an/Bộ KH&CN	2027–2030; cập nhật hằng năm	Văn bản nhu cầu, phương án kết nối và biên bản phối hợp; số liệu phòng thí nghiệm, nhóm nghiên cứu
22	Công tác truyền thông	Văn phòng Bộ	Các vụ, cục: GDPT, GDĐH, GDNNTX, Pháp chế, KHCNTT, các đơn vị liên quan	Bộ trưởng	Hằng năm	Kế hoạch, tài liệu, sản phẩm truyền thông và báo cáo tiếp cận
23	Xây dựng bộ chỉ số theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình	Vụ GDĐH	Các vụ, cục: GDNNTX, KHCNTT, KHTC, Văn phòng Bộ, các đơn vị liên quan	Bộ trưởng	Tháng 12/2026	Bộ chỉ số theo dõi, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện Chương trình
24	Thiết lập và vận hành cơ chế phối hợp liên bộ, liên ngành; xây dựng hệ thống theo dõi, giám sát và đánh giá việc phát triển nhân lực trí tuệ nhân tạo, bảo đảm gắn kết giữa giáo dục, khoa học công nghệ, chuyển đổi số và thị trường lao động, nâng cao hiệu quả điều phối và triển khai Chương trình	Vụ GDĐH	Các vụ, cục: GDNNTX, KHCNTT, KHTC, Văn phòng Bộ, các đơn vị liên quan	Bộ trưởng	Tháng 12/2026	Cơ chế phối hợp liên bộ, liên ngành

25	Đôn đốc, kiểm tra, báo cáo Thủ tướng hằng năm; sơ kết 2028, tổng kết 2030	Vụ GDĐH	Các vụ, cục: GDNNTX, KHCNTT, KHTC, Văn phòng Bộ, các đơn vị liên quan	Bộ trưởng	Báo cáo 12 hằng năm; sơ kết 2028; tổng kết 2030	Báo cáo tổng hợp kèm bảng chỉ số, minh chứng, kiến nghị; báo cáo sơ kết, tổng kết

Ghi chú: Thủ trưởng đơn vị chủ trì giao đích danh công chức theo dõi bằng phân công nội bộ; mốc và sản phẩm phải được đưa vào kế hoạch công tác năm. Đối với nhiệm vụ cơ quan khác chủ trì theo Quyết định 1528/QĐ-TTg, Bộ GDĐT chỉ thực hiện phần phối hợp được giao.